CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam

Ngày 31/03/2025	31,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-4.0%**	**-5.8%**

DT thuần
Q1/25
1,557
tỷ VNĐ
QoQ: ▼153| -8.9%
YoY: ▲ 82.0| 5.6%

LN thuần
Q1/25
34.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.3| 54.6%
YoY: ▲ 1.10| 3.3%

LN sau thuế
Q1/25
29.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.8| 58.9%
YoY: ▲ 0.70| 2.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
2.6%
YoY: +/-▲ 0.9%

ROE (TTM)
Q1/25
11.6%
YoY: +/-▲ 0.2%

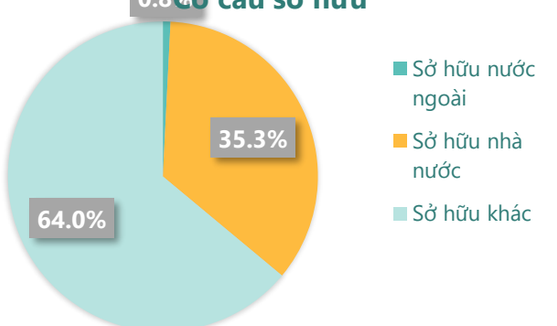
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	26,591 - 36,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,550
Số lượng CPLH (CP)	49,998,794
KLGD BQ 20 phiên (CP)	515
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	
EPS	2,334
P/E	13.3

DT thuần
2024
6,439
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 762| 13.4%

LN thuần
2024
141
tỷ VNĐ

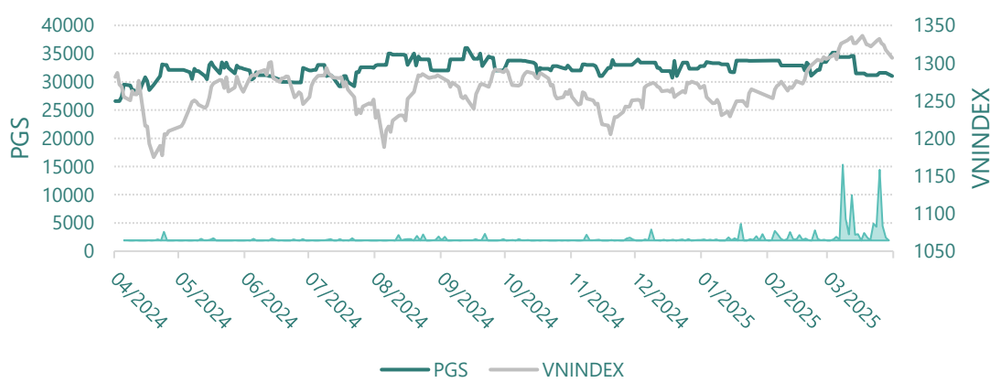
LN sau thuế
2024
116
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.0| 9.2%

Cơ cấu sở hữu

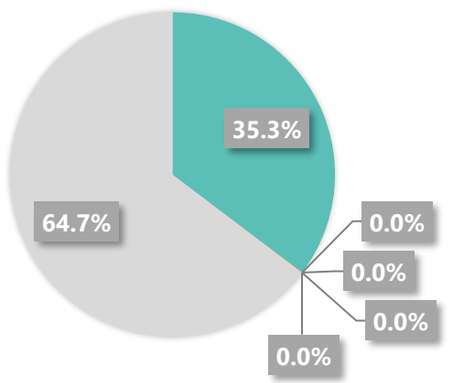


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

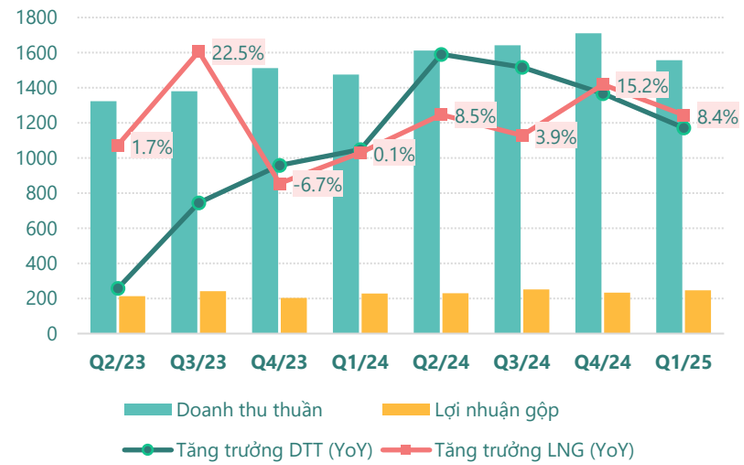


- Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP
- Nguyễn Thục Quyên
- Lê Thị Thảo
- CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam
- Phan Quốc Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

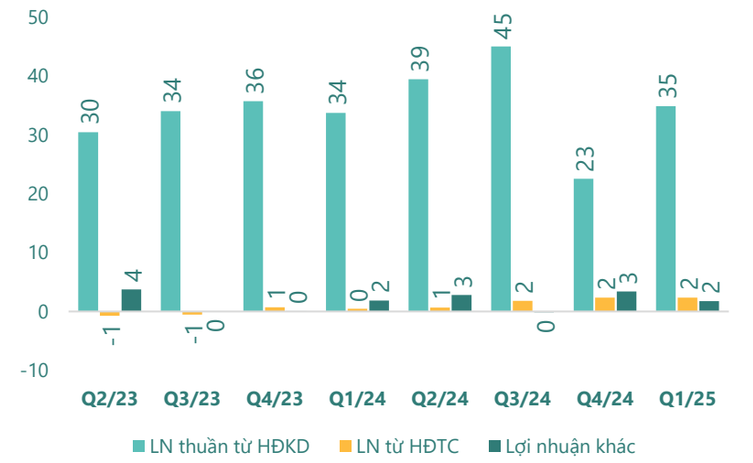
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



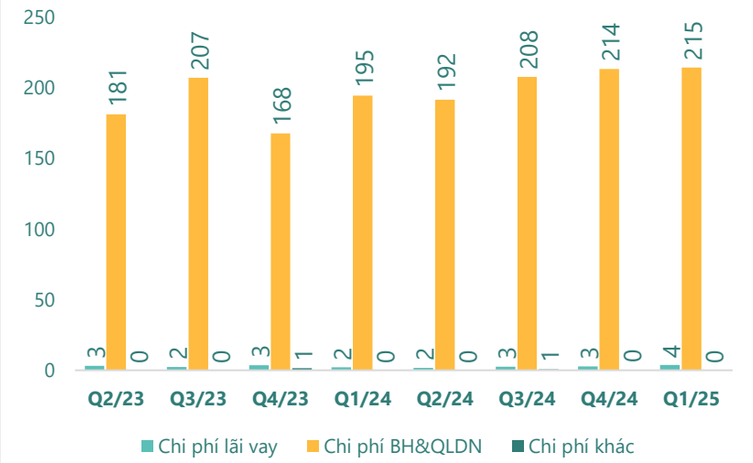
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



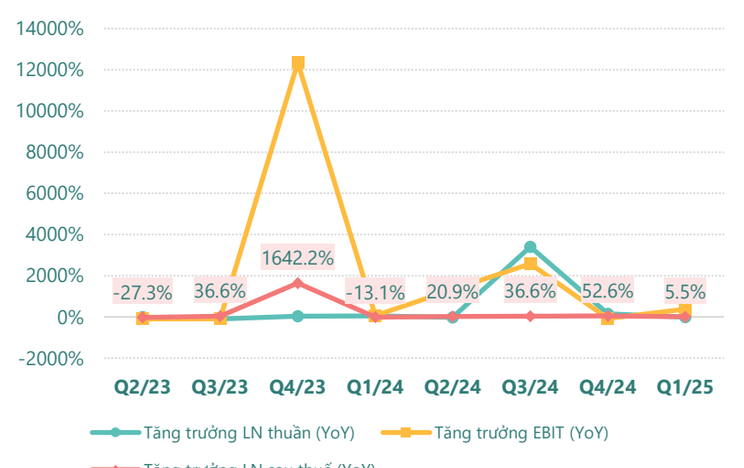
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



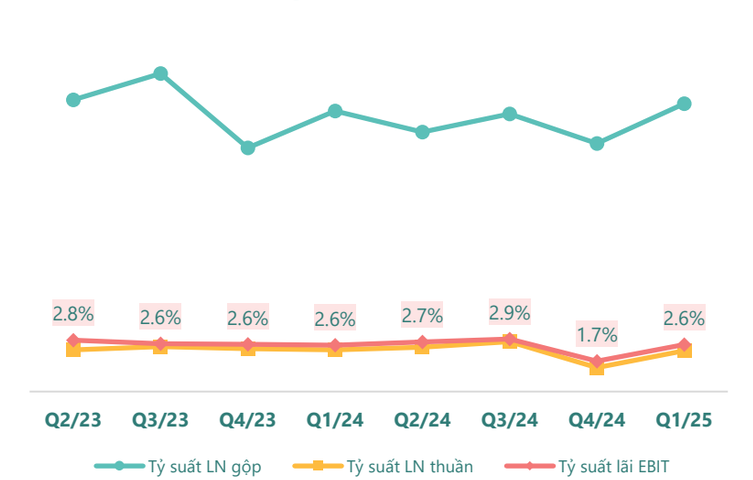
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



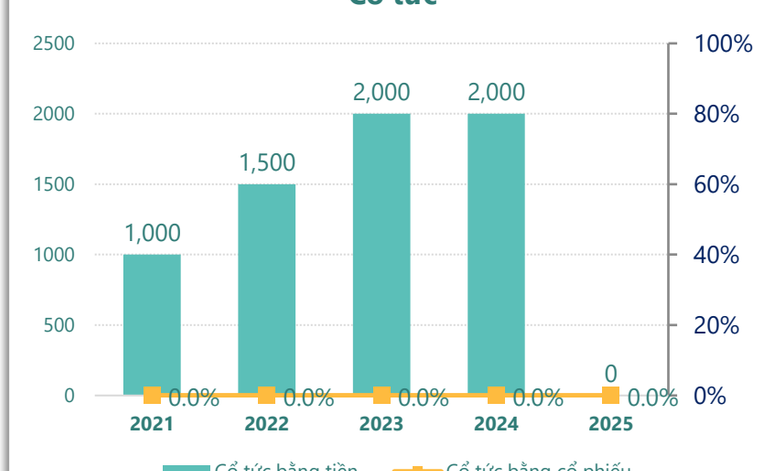
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

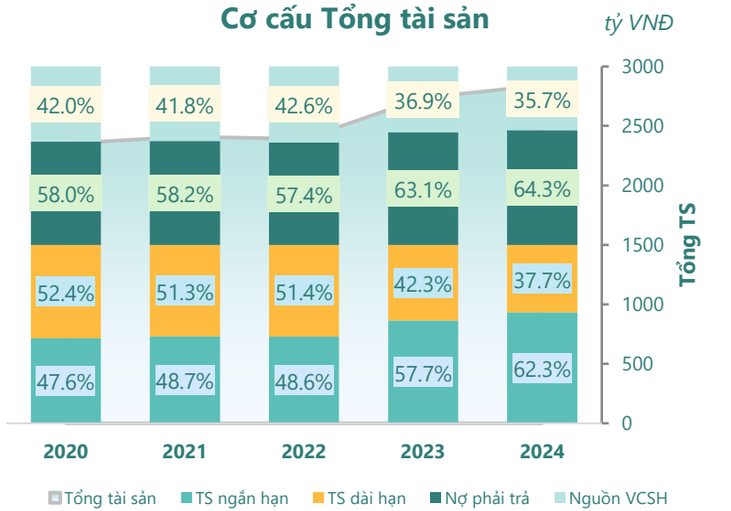
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

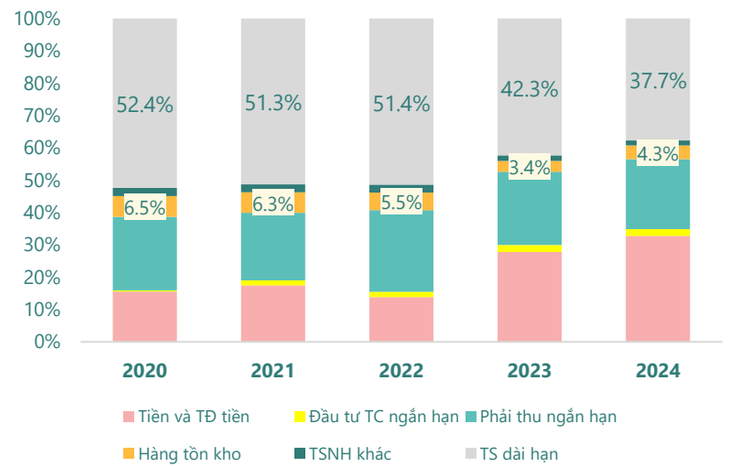
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



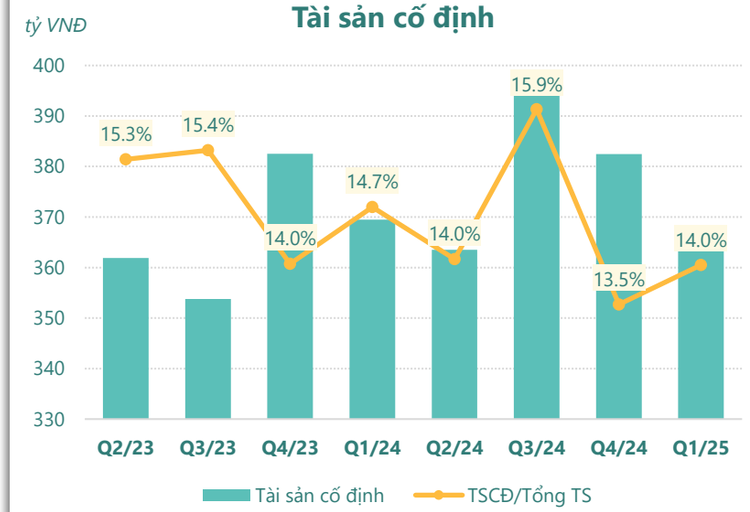
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



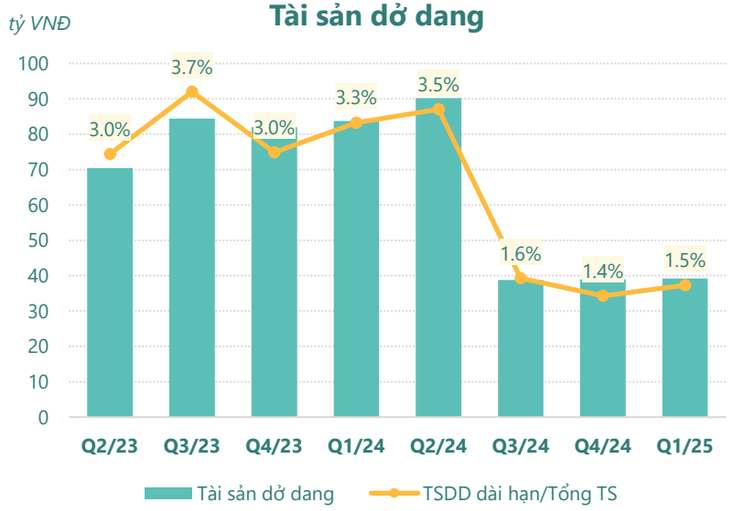
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



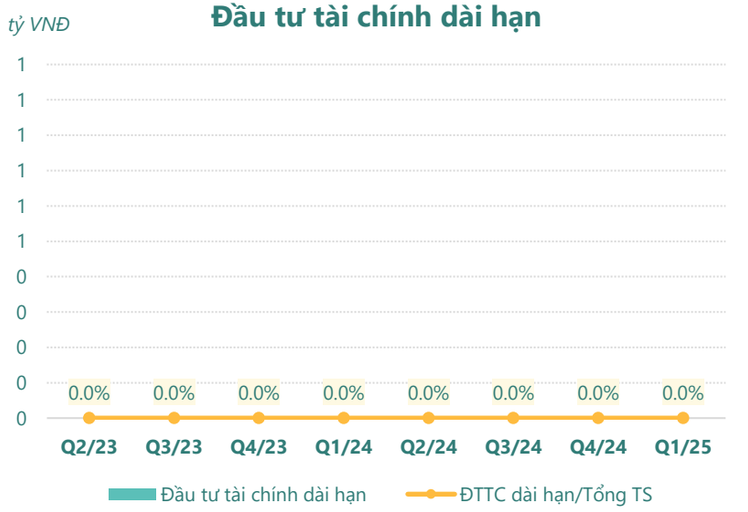
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



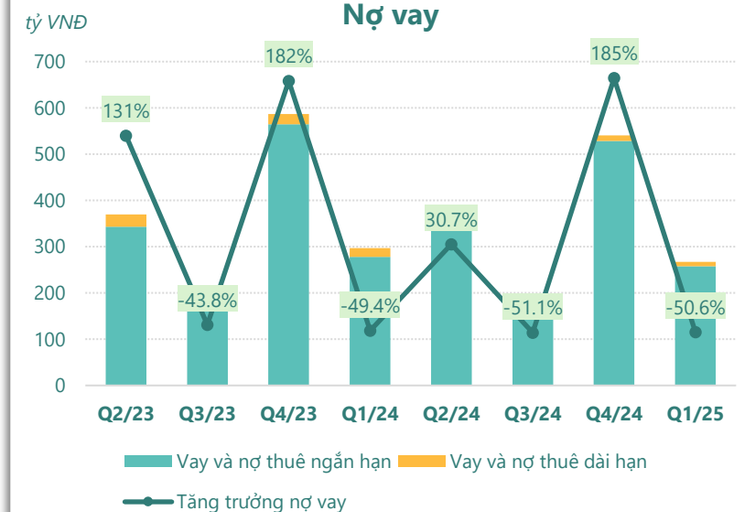
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

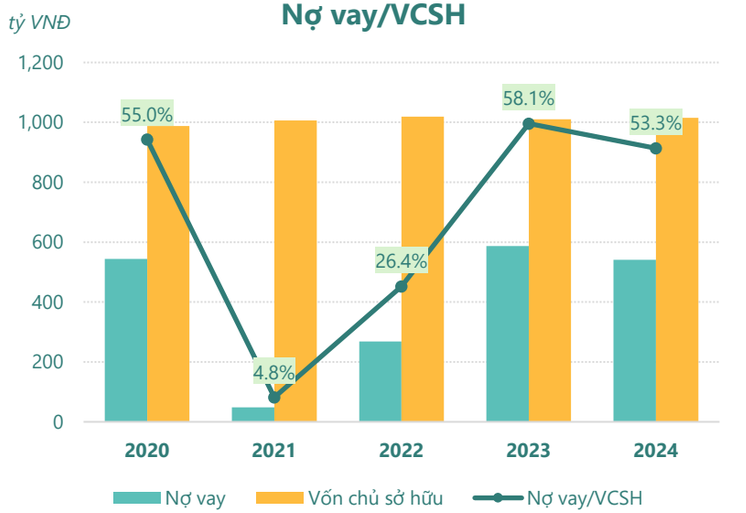
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

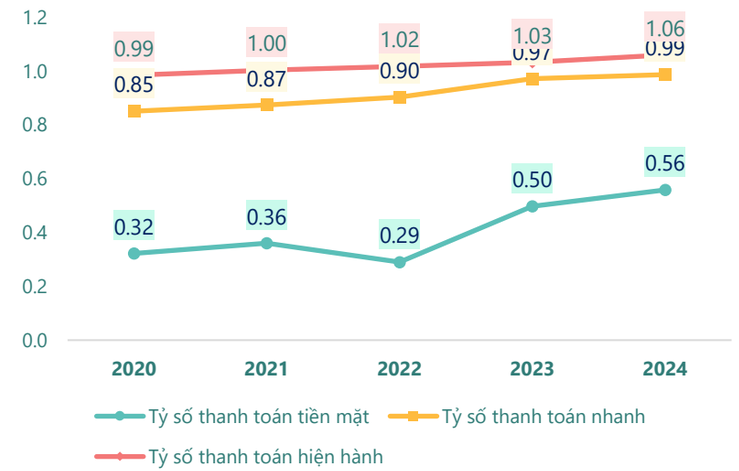
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



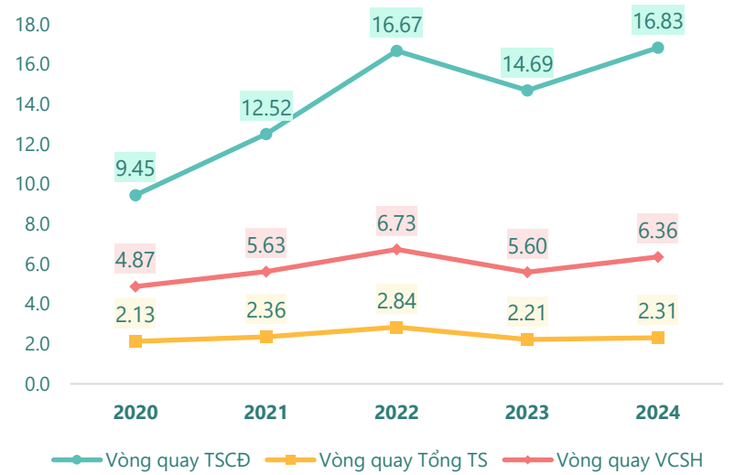
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



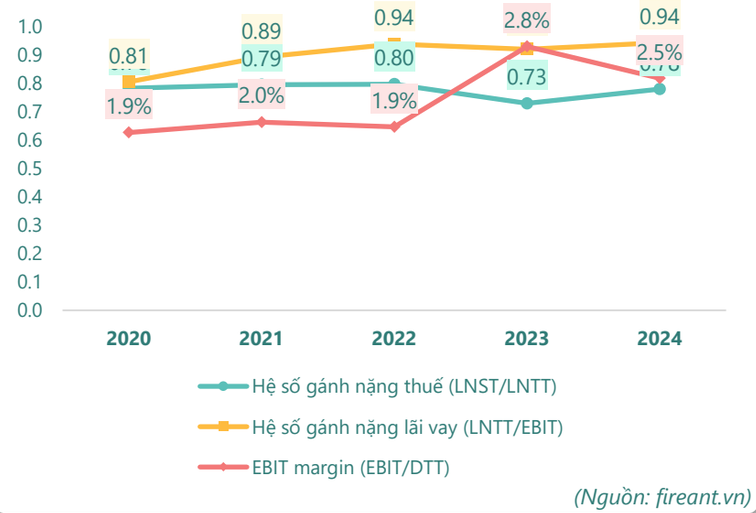
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



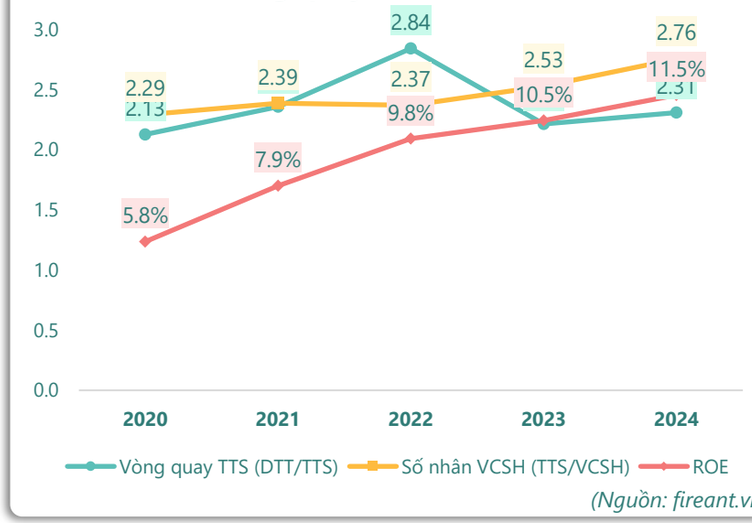
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



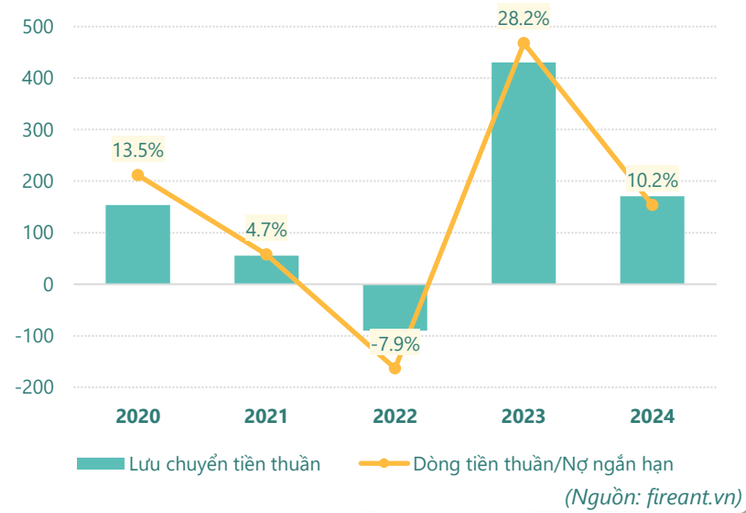
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,557**	**1,475**	**5.6%**	**6,439**	**5,677**	**13.4%**
Giá vốn hàng bán	1,310	1,247	5.0%	5,495	4,792	14.7%
Lợi nhuận gộp	247	228	8.4%	944	885	6.6%
Doanh thu HĐTC	6.09	2.52	142%	14.5	10.4	39.1%
Chi phí TC	3.73	2.07	80.3%	9.21	12.8	-28.2%
Chi phí lãi vay	3.70	2.07	78.7%	8.98	12.8	-29.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	191	171	11.8%	684	656	4.4%
Chi phí QLDN	**23.4**	**23.5**	**-0.2%**	**124**	**86.5**	**42.8%**
LN thuần từ HĐKD	34.9	33.8	3.3%	141	141	0.3%
Lợi nhuận khác	**1.74**	**1.87**	**-6.9%**	**7.93**	**5.07**	**56.3%**
LN trước thuế	36.7	35.7	2.7%	149	146	2.3%
Lợi nhuận sau thuế	**29.2**	**28.5**	**2.6%**	**116**	**106**	**9.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**29.2**	**28.5**	**2.6%**	**116**	**106**	**9.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	121	-31.7	138	155	68.9	-33.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.8	-51.0	-65.0	103	-1.02	2.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	379	-290	-7.92	-199	351	-273
Tiền đầu kỳ	276	761	389	455	513	932
Lưu chuyển tiền thuần	**486**	**-372**	**65.5**	**58.8**	**419**	**-305**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	-0.04	0.04	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	761	389	455	513	932	627

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,623**	**2,841**	**-7.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,583	1,769	-10.5%
Tiền và tương đương tiền	627	932	-32.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.6	58.5	0.2%
Phải thu ngắn hạn	708	614	15.4%
Hàng tồn kho	138	122	12.6%
Tài sản ngắn hạn khác	51.0	42.8	19.3%
Tài sản dài hạn	**1,041**	**1,072**	**-2.9%**
Phải thu dài hạn	3.24	3.24	0.0%
Tài sản cố định	366	382	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.2	39.0	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**632**	**647**	**-2.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,580	1,827	-13.5%
Nợ ngắn hạn	**1,431**	**1,668**	**-14.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	257	529	-51.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	853	849	0.5%
Nợ dài hạn	149	158	-6.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.68	12.1	-20.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,044**	**1,015**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,044**	**1,015**	**2.8%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)